

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục đầu tư, kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật năm 2017 - 2018 và điều chỉnh, bổ sung một số nội dung quy định tại Quyết định số 881/QĐ-UBND, ngày 01/4/2016 của UBND tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 625/QĐ-TTg ngày 13/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục Dự án “Chuyển đổi Nông nghiệp bền vững tại Việt Nam” vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB);

Căn cứ Quyết định số 1992/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/5/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án “Chuyển đổi Nông nghiệp bền vững tại Việt Nam”;

Căn cứ Quyết định số 4229/QĐ-BNN-KH ngày 26/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt kế hoạch tổng thể dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (VnSAT) vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB);

Căn cứ Thư không phản đối (NOL) của Ngân hàng Thế giới ngày 20/7/2017 về đề xuất tiêu dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị phục vụ sản xuất quy mô nhỏ cho các tổ chức nông dân, Hợp tác xã thuộc dự án VnSAT tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Thư không phản đối (NOL) của Ngân hàng Thế giới ngày 21/8/2017 về việc điều chỉnh gói thầu Nâng cấp vườn ươm (XL13) trong kế hoạch 18 tháng năm 2016;

Căn cứ Công văn số 1529/DANN-VnSAT ngày 01/8/2017 của Ban quản lý các dự án Nông nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, về việc danh mục các tiêu dự án đề xuất hỗ trợ cho các tổ chức nông dân, Hợp tác xã thuộc dự án VnSAT tỉnh Đắk Lắk;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 186/TTr-SNN, ngày 04/10/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Phê duyệt danh mục đầu tư, kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật năm 2017 - 2018 của Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (VnSAT) tỉnh Đắk Lắk vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB), chi tiết như phụ lục đính kèm.

2. Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung quy định tại Quyết định số 881/QĐ-UBND, ngày 01/4/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

tổng thể giai đoạn 2016-2020 của Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (VnSAT) tỉnh Đắk Lắk vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB), chi tiết như phụ lục đính kèm.

Các nội dung khác, không điều chỉnh, bổ sung, thực hiện theo quy định tại Quyết định số 881/QĐ-UBND, ngày 01/4/2016 của UBND tỉnh.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan hướng dẫn, chỉ đạo Ban quản lý Dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (VnSAT) tỉnh Đắk Lắk tổ chức thực hiện đảm bảo đúng quy định của Dự án và quy định pháp luật;

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (VnSAT) tỉnh Đắk Lắk; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Nông nghiệp & PTNT (báo cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các phòng: TH, KT, NN & MT;
- Lưu VT, NNMT (Đg- 18b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Y Giang Gry Niê Kơng

Phụ lục 01: Danh mục đầu tư.

(Kèm theo Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 10/10/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Danh mục đầu tư và tổng giá trị (tạm tính) cho các công trình năm 2017-2018:

STT	Danh mục đầu tư	Hợp phần	Dự kiến tổng chi phí (VNĐ)
1	Nâng cấp đường vào khu sản xuất HTX Minh Toàn Lợi, xã Ea Puk, huyện Krông Năng	C	4.243.500.000
2	Nâng cấp đường vào khu sản xuất thôn Tiến Đạt vùng Tám chục mẫu, xã Quảng Tiến, huyện Cư M'gar	C	5.658.000.000
3	Nâng cấp đường vào khu sản xuất buôn Ea Sang xã Ea H'ring, huyện Cư M'gar	C	8.487.000.000
4	Nâng cấp đường vào khu sản xuất HTX DVNN Công Bằng Ea Kmat-Hòa Đông, xã Hòa Đông, huyện Krông Pắc	C	5.658.000.000
5	Nâng cấp đường vào khu sản xuất thôn 5, xã Ea Tiêu, huyện Cư Kuin	C	5.658.000.000
6	Nâng cấp đường vào xưởng chế biến cà phê HTX Minh Toàn Lợi	C	424.350.000
7	Hệ thống kênh thủy lợi kéo dài tạo nguồn nước tưới cho cây cà phê HTX DVNN Công Bằng Ea Kmat-Hòa Đông	C	5.600.000.000
8	Sân phơi và Nhà kho cho các hộ trong HTX Minh Toàn Lợi	C	880.000.000
9	Sân phơi và Nhà kho cho các hộ trong HTX DVNN Công Bằng Ea Kmat-Hòa Đông	C	3.642.500.000
10	Sân phơi và Nhà kho cho các hộ trong HTX Dịch vụ nông nghiệp Quảng Tiến	C	852.500.000
11	Sân phơi và Nhà kho cho các hộ trong THT sản xuất nông nghiệp Buôn Sang	C	687.500.000
12	Sân phơi và Nhà kho cho các hộ trong THT sản xuất cà phê bền vững Đoàn Kết	C	792.500.000
	Tổng giá trị:		42.583.850.000

Tổng số tiền bằng chữ: Bốn mươi hai tỷ, năm trăm tám mươi ba triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng chẵn./.

Phụ lục 02: kế hoạch lựa chọn nhà thầu
tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật năm 2017-2018
(Kèm theo Quyết định số ~~2812~~ **2812** /QĐ-UBND ngày ~~10~~ **10**/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	Hạng mục	Giá gói thầu (vnd)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Hợp phần
Tư vấn khảo sát, lập BCKTKT		2.916.105.625							
1	Nâng cấp đường vào khu sản xuất HTX Minh Toàn Lợi, xã Ea Puk, huyện Krông Năng	270.894.287	Tư nhân/đối ứng chính phủ	Chi định thầu	Chi định thầu rút gọn	Quý III,IV/2017	Trộn gói	3 tháng	C
2	Nâng cấp đường vào khu sản xuất thôn Tiến Đạt vùng Tám chục mẫu, xã Quảng Tiến, huyện Cư M'gar	330.174.991	Tư nhân/đối ứng chính phủ	Chi định thầu	Chi định thầu rút gọn	Quý III,IV/2017	Trộn gói	3 tháng	C
3	Nâng cấp đường vào khu sản xuất buôn Ea Sang xã Ea H'đing, huyện Cư M'gar	428.212.498	Tư nhân/đối ứng chính phủ	Chi định thầu	Chi định thầu rút gọn	Quý III,IV/2017	Trộn gói	3 tháng	C
4	Nâng cấp đường vào khu sản xuất HTX DVNN Công Bằng Ea Kmat-Hòa Đông, xã Hòa Đông, huyện Krông Pắc	330.174.991	Tư nhân/đối ứng chính phủ	Chi định thầu	Chi định thầu rút gọn	Quý III,IV/2017	Trộn gói	3 tháng	C
5	Nâng cấp đường vào khu sản xuất thôn 5, xã Ea Tiêu, huyện Cư Kuin	330.174.991	Tư nhân/đối ứng chính phủ	Chi định thầu	Chi định thầu rút gọn	Quý III,IV/2017	Trộn gói	3 tháng	C
6	Nâng cấp đường vào xưởng chế biến cà phê HTX Minh Toàn Lợi	41.439.919	Tư nhân/đối ứng chính phủ	Chi định thầu	Chi định thầu rút gọn	Quý III,IV/2017	Trộn gói	1 tháng	C
7	Hệ thống kênh thủy lợi kéo dài tạo nguồn nước tưới cho cây cà phê HTX DVNN Công Bằng Ea Kmat-Hòa Đông	453.021.542	Tư nhân/đối ứng chính phủ	Chi định thầu	Chi định thầu rút gọn	Quý IV/2017 và quý I/2018	Trộn gói	3 tháng	C
8	Sân phơi và Nhà kho cho các hộ trong HTX Minh Toàn Lợi	109.168.488	Tư nhân/đối ứng chính phủ	Chi định thầu	Chi định thầu rút gọn	Quý IV/2017 và quý I/2018	Trộn gói	2 tháng	C



STT	Hạng mục	Giá gói thầu (vnd)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Hợp phần
9	Sân phơi và Nhà kho cho các hộ trong HTX DVNN Công Bằng Ea Kmat-Hòa Đông	326.042.091	Tư nhân/đối ứng chính phủ	Chỉ định thầu	Chỉ định thầu rút gọn	Quý IV/2017 và quý I/2018	Trộn gói	2 tháng	C
10	Sân phơi và Nhà kho cho các hộ trong HTX Dịch vụ nông nghiệp Quảng Tiến	105.756.973	Tư nhân/đối ứng	Chỉ định thầu	Chỉ định thầu rút gọn	Quý IV/2017 và quý I/2018	Trộn gói	2 tháng	C
11	Sân phơi và Nhà kho cho các hộ trong THT sản xuất nông nghiệp Buôn Sang	85.287.881	Tư nhân/đối ứng chính phủ	Chỉ định thầu	Chỉ định thầu rút gọn	Quý IV/2017 và quý I/2018	Trộn gói	2 tháng	C
12	Sân phơi và Nhà kho cho các hộ trong THT sản xuất cà phê bền vững Đoàn Kết	105.756.973	Tư nhân/đối ứng chính phủ	Chỉ định thầu	Chỉ định thầu rút gọn	Quý IV/2017 và quý I/2018	Trộn gói	2 tháng	C

Tổng số tiền bằng chữ: Hai tỷ, chín trăm mười sáu triệu, một trăm lẻ năm ngàn, sáu trăm hai sáu đồng./.

Phụ lục 03: Điều chỉnh mục II công việc đấu thầu (18 tháng) KHLCNT tổng thể giai đoạn 2015-2020 của Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (VnSAT) tỉnh Đắk Lắk

(Kèm theo Quyết định số 2282/QĐ-UBND ngày 10/10/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

KẾ HOẠCH CÔNG TÁC THỰC HIỆN DỰ ÁN CHUYỂN ĐỔI NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG TẠI VIỆT NAM (VnSAT) TỈNH ĐẮK LẮK ĐÌNH 31/04/2016											
KẾ HOẠCH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH MỤC II CÔNG TÁC ĐẤU THẦU (KHU THỰC HIỆN) DỰ ÁN CHUYỂN ĐỔI NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG TẠI VIỆT NAM (VnSAT) TỈNH ĐẮK LẮK NGÀY 07/04/2016											
STT	Hạng mục	Giá gói thầu (VNĐ)	Hạng mục	Giá gói thầu (VNĐ)	Nguồn vốn	Hình thức trả thầu nhà thầu	Phương thức trả thầu nhà thầu	Thời gian trả thầu nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Hạng phân
1	Công việc đấu thầu (KH 18 tháng)	16.852.000.000	Công việc đấu thầu (KH 18 tháng) điều chỉnh	11.237.207.000							
1	Xây lắp	6.710.000.000	Xây lắp	2.625.503.000							
1,1	Nâng cấp văn phòng (XL12)	990.000.000	Nâng cấp văn phòng (XL12)	886.919.000	IDA	SH	1 giai đoạn, 1 túi hồ sơ	Quý II/2017	Trọn gói	5 tháng	C, D
1,2	Nâng cấp vườn ươm (XL11)	5.720.000.000	Nâng cấp vườn ươm (XL13)	1.738.584.000	IDA	SH	1 giai đoạn, 1 túi hồ sơ	Quý IV/2017; I/2018	Trọn gói	4 tháng	C
2	Hàng hóa & Thiết bị	1.870.000.000	Hàng hóa & Thiết bị	1.827.500.000							
2,1	Thiết bị văn phòng (HH30)	858.000.000	Thiết bị văn phòng (HH30)	1.075.000.000	IDA	SH	1 giai đoạn, 1 túi hồ sơ	Quý III/2016	Trọn gói	1 tháng	C, D
2,2	Trang thiết bị phòng thí nghiệm (HH31)	1.012.000.000	Trang thiết bị phòng thí nghiệm (HH31)	752.500.000	IDA	SH	1 giai đoạn, 1 túi hồ sơ	Quý I/2017	Trọn gói	1 tháng	C
3	Dịch vụ tư vấn	8.272.000.000	Dịch vụ tư vấn	6.784.204.000							
3,1	Đánh giá độc lập về sự áp dụng của nông dân (CQS05)	2.750.000.000	Đánh giá độc lập về mức độ áp dụng công nghệ của nông dân (CQS05)	2.687.500.000	IDA	CQS	1 giai đoạn, 1 túi hồ sơ	Quý I/2017	Trọn gói	45 tháng	C
3,2	Chuyên gia trong nước về Phát triển bền vững và kế hoạch tái canh cà phê (CQS06)	1.650.000.000	Tư vấn trong nước về Phát triển bền vững và kế hoạch tái canh cà phê (CQS06)	1.650.000.000	IDA	CQS	1 giai đoạn, 1 túi hồ sơ	Quý II/2017	Trọn gói	40 tháng	C
3,3	Tư vấn củng cố và phát triển chiến lược truyền thông (IC07)	660.000.000	Tư vấn củng cố và phát triển chiến lược truyền thông (IC07)	660.000.000	IDA	IC	1 giai đoạn, 1 túi hồ sơ	Quý IV/2016	Theo thời gian	30 tháng	C
3,4	Tư vấn kỹ thuật Cà phê (IC08)	2.640.000.000	Tư vấn kỹ thuật Cà phê (IC08)	1.716.000.000	IDA	IC	1 giai đoạn, 1 túi hồ sơ	Quý II/2016	Theo thời gian	52 tháng	D
3,5	Tư vấn khảo sát lập Báo cáo KTKT xây dựng công trình	264.000.000	Tư vấn khảo sát lập Báo cáo KTKT xây dựng công trình: Nâng cấp văn phòng (XL12).	30.782.000	Vốn đối ứng của Chính phủ	Chỉ định thầu	Chỉ định thầu rút gọn	Quý III/2016	Trọn gói	3 tháng	C
3,6	Tư vấn thẩm tra bản vẽ thi công và dự toán... xây dựng công trình	44.000.000	Tư vấn thẩm tra bản vẽ thi công và dự toán... xây dựng công trình: Nâng cấp văn phòng (XL12).	2.526.000				Quý IV/2016		1 tháng	C
3,7	Tư vấn Giám sát thi công xây dựng công trình	198.000.000	Tư vấn Giám sát thi công xây dựng công trình: Nâng cấp văn phòng (XL12).	22.471.000				Quý III/2017		5 tháng	C
3,8	Kiểm toán công trình	66.000.000	Kiểm toán công trình: Nâng cấp văn phòng (XL12).	14.925.000				Quý IV/2017; I/2018		1 tháng	C
		16.852.000.000	Tổng	11.237.207.000							

Tổng số tiền bằng chữ: Mười một tỷ, hai trăm ba mươi bảy triệu, hai trăm lẻ bảy ngàn đồng chẵn

Phụ lục 04: Kế hoạch bổ sung của Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (VnSAT) tỉnh Đắk Lắk
(Kèm theo Quyết định số **2812** /QĐ-UBND ngày **10/10/2017** của UBND tỉnh Đắk Lắk)

S/TT	Hạng mục	Giá gói thầu (VNĐ)	Nguồn vốn	Hình thức trả vốn nhà thầu	Phương thức trả vốn nhà thầu	Thời gian trả vốn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Hợp phần
1	Xây lắp	3.603.608.000							
1,1	Nâng cấp vườn ươm tư nhân (gồm 6 vườn)	3.603.608.000	IDA/đóng góp của tư nhân	SH	1 giai đoạn, 1 túi hồ sơ	Quý IV/2017; I/2018	Trọn gói	6 tháng	C
2	Dịch vụ tư vấn	580.000.000							
2,1	Tư vấn khảo sát lập Báo cáo KTKT xây dựng công trình: Nâng cấp vườn ươm nhà nước, tư nhân.	300.000.000	Vốn đối ứng của Chính phủ/Tư nhân	Chỉ định thầu	Chỉ định thầu rút gọn	Quý I/2017	Trọn gói	3 tháng	C
2,2	Tư vấn thẩm tra bản vẽ thi công và dự toán... xây dựng công trình: Nâng cấp vườn ươm nhà nước, tư nhân.	30.000.000				Quý III/2017		1 tháng	C
2,3	Tư vấn Giám sát thi công xây dựng công trình: Nâng cấp vườn ươm nhà nước, tư nhân.	160.000.000				Quý IV/2017; I/2018		6 tháng	C
2,4	Kiểm toán công trình: Nâng cấp vườn ươm nhà nước, tư nhân.	90.000.000				Quý II/2018		1 tháng	C
	Tổng	4.183.608.000							

Ghi chú: Giá dự toán nâng cấp vườn Tư nhân (6 vườn) là: 3.603.608.000 đồng trong đó bao gồm:

(1). Vốn IDA: 3.265.767.000 đồng.

(2). Vốn đóng góp của tư nhân: 337.841.000 đồng